

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2019

## BẢN TIN TUẦN

### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019 (Tuần từ ngày 05 tháng 4 năm 2019 đến ngày 11 tháng 4 năm 2019)

## I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

### 1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Đồng Phú	42,3	203,6	+ 124,4	+ 62,2	+ 12,6	17,6
Phú Quốc Hòa	47,0	61,9	+ 8,6	- 9,2	- 71,0	13,6
Phú Quốc Long	15,1	15,1	- 81,2	- 87,2	- 90,3	12,1
<b>Trung bình</b>	<b>34,8</b>	<b>93,5</b>	<b>+ 17,2</b>	<b>- 11,4</b>	<b>- 49,6</b>	<b>14,4</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

#### Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 17,2%, thấp hơn năm 2018 là 11,4% và thấp hơn 49,6% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Phú Quốc Hòa (47,0 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Phú Quốc Long (15,1 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 14,4 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

### 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	14,90	69,95	- 14,7	- 13,1	- 20,1	Giảm	71,46
Hồ NT6	2,75	2,54	92,50	+ 6,7	+ 7,3	- 5,5	Giảm	74,30
Hồ NT9	1,97	1,64	83,24	+ 3,6	- 5,2	- 10,6	Giảm	80,84
Hồ NT8	1,3	0,85	65,51	- 23,2	- 21,9	- 34,3	Giảm	78,22
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,55	89,30	+ 5,9	+ 0,9	- 4,4	Giảm	84,30
Hồ Lộc Quang	5,826	4,22	72,36	- 0,9	+ 4,6	- 8,1	Giảm	59,35
Hồ Tân Lợi	2,87	2,52	87,67	- 2,5	- 7,2	- 12,1	Giảm	78,07

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Ông	0,386	0,10	24,72	- 72,1	- 73,5	- 75,2	Giảm	92,16
Hồ Bà Um	1,58	1,10	69,82	- 22,4	- 24,4	- 30,0	Giảm	84,16
Hồ NT 4	2,615	2,42	92,45	+ 7,5	- 0,1	+ 6,3	Giảm	89,02
Đập Thợ Sơn	0,963	0,90	93,59	+ 9,4	- 4,1	+ 4,7	Giảm	91,98
Hồ Đồng Xoài	9,66	5,91	61,13	- 9,7	- 8,0	- 21,1	Giảm	53,15
Hồ Bù Môn	0,2	0,07	34,78	- 52,1	+ 15,9	- 65,1	Giảm	47,83
Hồ Sa Cát	1,327	1,20	90,66	+ 7,2	- 2,2	- 7,2	Giảm	85,05
Hồ An Khương	2,6	1,52	58,51	- 3,9	- 8,4	- 13,3	Giảm	59,39
Hồ Ông Thoai	1,765	1,56	88,47	+ 9,5	+ 0,1	+ 8,0	Giảm	80,41
Hồ Càn Đơn	165,49	129,35	78,16	- 17,8	- 9,8	- 11,0	Giảm	45,65
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>224,342<sup>(*)</sup></b>	<b>172,35</b>	<b>76,82</b>	<b>- 10,0</b>	<b>- 8,8</b>	<b>- 17,6</b>		<b>52,07</b>

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; <sup>(\*)</sup>: Giá trị tổng.

#### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 04/04/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 172,35 triệu m<sup>3</sup> (đạt 76,82 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn cùng kỳ so với năm 2017 và TBNN. *Riêng 2 hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK, đó là: hồ Suối Ông (24,72%) và hồ Bù Môn (34,8%).*

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 4 của vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **2,25** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 4 cho vụ Đông Xuân (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)					
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>311,4</b>	<b>84,3</b>	<b>1229,3</b>	<b>23,0</b>	<b>2,25</b>	
1	Hồ Suối Giai		84,31	122,31	5	0,10	
2	Hồ NT6			10		0,01	
3	Hồ NT9			29		0,02	
4	Hồ NT8			25		0,02	
5	Hồ NT2 - Đ7			42		0,04	
6	Hồ Lộc Quang	130		260	7	0,72	
7	Hồ Tân Lợi			70		0,06	
8	Hồ Suối Ông	10			1	0,02	

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 4 cho vụ Đông Xuân ( $10^6 m^3$ )
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,01
10	Hồ NT 4			120		0,10
11	Đập Thọ Sơn			23		0,05
12	Hồ Đồng Xoài			44	6	0,05
13	Hồ Bù Môn		0	0	0	0,03
14	Hồ Sa Cát			20		0,06
15	Hồ An Khương	120		33	2	0,34
16	Hồ Ông Thoại			31		0,03
17	Hồ Càn Đơn			400		0,60

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 4 năm 2018 ( $10^6 m^3$ )
1	Hồ Suối Giai	0,70
2	Hồ NT6	0,11
3	Hồ NT9	0,12
4	Hồ NT8	0,14
5	Hồ NT2 - Đ7	0,04
6	Hồ Lộc Quang	0,19
7	Hồ Tân Lợi	0,39
8	Hồ Suối Ông	0,03
9	Hồ Bà Úm	0,06
10	Hồ NT 4	0,10
11	Đập Thọ Sơn	0,01
12	Hồ Đồng Xoài	0,51
13	Hồ Bù Môn	1,14
14	Hồ Sa Cát	0,09
15	Hồ An Khương	0,12
16	Hồ Ông Thoại	0,06
17	Hồ Càn Đơn	334,16

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 4 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 05/04/2019 đến ngày 11/04/2019 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%**: Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Càn Đơn, hồ Bù Môn.

- **01/17 hồ chứa đang sửa chữa**: Hồ Bù Môn đang xả nước để nạo vét.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 05/04/2019 đến 11/04/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	69,95	259	65,45	100	259	
Hồ NT6	92,50	10	92,50	100	10	
Hồ NT9	83,24	29	82,04	100	29	
Hồ NT8	65,51	25	63,70	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	89,30	42	89,30	100	42	
Hồ Lộc Quang	72,36	397	70,73	100	397	
Hồ Tân Lợi	87,67	70	87,67	100	70	
Hồ Suối Ông	24,72	11	23,54	100	11	
Hồ Bà Úm	69,82	6	69,82	100	6	
Hồ NT 4	92,45	120	92,45	100	120	
Đập Tho Sơn	93,59	23	93,59	100	23	
Hồ Đồng Xoài	61,13	50	58,47	100	50	
Hồ Bù Môn	34,78	0	34,78	100	0	
Hồ Sa Cát	90,66	20	90,66	100	20	
Hồ An Khương	58,51	155	57,62	100	155	
Hồ Ông Thoại	88,47	31	88,47	100	31	
Hồ Cần Đơn	78,16	400	75,91	100	400	
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>76,82</b>	<b>1.648,0<sup>(*)</sup></b>	<b>74,54</b>	<b>100</b>	<b>1.648,0<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> Giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	27,2	-	- 72	- 95	Rủi ro hạn thấp
	Đăk O – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riềng					
	Dakia – Bù Đốp					
Đồng Phú	Đồng Tâm – Đồng Phú	221,2	-	+ 94	- 41	Rủi ro hạn thấp
	Minh Hưng – Chơn Thành					
<b>Trung bình</b>		<b>124,2</b>	<b>-</b>	<b>+ 11</b>	<b>- 68</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi lớn hơn lượng mưa TBNN 110,8%, cao hơn nhiều so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa tích lũy năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 11/4 các trạm bằng 0 mm). Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. **Đặc biệt trong tuần qua, tỉnh Bình Phước đã có mưa nhỏ đến mưa vừa trên diện rộng với lượng mưa 30-40 mm bổ sung kịp thời lượng nước cho sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn cao điểm mùa khô, nhất là 5.600 ha diện tích đang bị ảnh hưởng hạn hán.**

### 3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 11/4/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 167,23 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 74,54 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 11/04/2019 không thay đổi. Tuy nhiên, thời điểm này đang là cao điểm mùa khô, trong vùng luôn tiềm ẩn nguy cơ hạn hán nếu thời tiết nắng nóng và không mưa (nhất là các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi), các vùng sản xuất nông nghiệp cần có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, hạn chế tối đa lãng phí nước và sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 12/4/2019 (tuần sau)./.

#### Noi nhận:

#### VIỆN TRƯỞNG

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.